

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2009

Số: /TH-BC

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH THÁNG 12 NĂM 2009
NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

1. TÌNH HÌNH CHUNG

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2009 có những thuận lợi: Chính phủ triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ lãi suất để kích cầu và tăng cường đầu tư cho sản xuất, thời tiết về cơ bản thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và khai thác thủy sản, dịch bệnh diễn ra ở qui mô nhỏ,... Tuy nhiên, năm 2009 sản xuất cũng gặp nhiều khó khăn: mưa lũ lớn trên diện rộng cuối năm 2008 đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất cây vụ đông, khu vực Tây Nguyên quý I bị hạn, thiếu nước, mưa bão trong quý III ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản ở các tỉnh Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, giá cả nhiều nông sản giảm mạnh từ cuối năm 2008, giá thức ăn chăn nuôi ở mức cao, thị trường xuất khẩu một số sản phẩm khó khăn,... Do vậy, kết quả sản xuất năm 2009 vẫn tăng so với cùng kỳ nhưng ở mức tăng thấp so với những năm trước. Sản lượng lương thực có hạt đạt 43,33 triệu tấn tăng 24 ngàn tấn so với năm ngoái (tương đương 0,1%), trong đó sản lượng lúa đạt 38,9 triệu tấn, tăng 116 ngàn tấn (tương đương 0,4%), sản lượng ngô giảm khoảng 3,1% (tương đương 141 ngàn tấn) đạt mức 4,4 triệu tấn. Tuy nhiên, khối lượng xuất khẩu gạo của năm 2009 đạt mức cao nhất từ trước đến nay: ước đạt 5,8 triệu tấn với trị giá kim ngạch 2,6 tỉ USD, so cùng kỳ năm trước tăng 22,67% về lượng, nhưng giảm 10,34% về giá trị. Xuất khẩu nông lâm thủy sản tuy không đạt được mức của năm ngoái do tác động của khủng hoảng kinh tế và giảm giá thế giới nhưng cũng vượt mức đề ra (kế hoạch của ngành là 12 triệu USD và chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao là 14 tỷ USD). Tổng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản tháng 12/2009 ước đạt trên 1,3 tỷ USD, đưa giá trị xuất khẩu nông lâm thủy sản cả năm 2009 ước đạt 15,34 tỷ USD, giảm 6,91% so cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu các mặt hàng nông sản vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất, ước đạt 7,8 tỷ USD, so với cùng kỳ năm trước giảm 10,88%, thủy sản ước đạt 4,2 tỷ USD, giảm 6,73% so cùng kỳ, lâm sản ước đạt 2,74 tỷ USD, giảm 10,94% so cùng kỳ.

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2009 theo giá so sánh 1994 ước đạt 219.887,18 tỷ đồng, tăng 2,98% so với năm 2008; trong đó nông nghiệp đạt 160.080,94 tỷ đồng, tăng 2,17%, lâm nghiệp đạt 7.008 tỷ đồng, tăng 3,79%, thủy sản đạt 52.798,24 tỷ đồng tăng 5,42%.

Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu đến tháng 12/2009 như sau :

Chỉ tiêu	Ước TH	Tỷ lệ (%)*
1. Thu hoạch lúa mùa ở miền Nam (nghìn ha)	465,6	102,6
Trong đó: Đồng Bằng sông Cửu Long	103,9	93,7
2. Gieo cấy lúa đông xuân ở miền Nam	1.240,9	122,9
Trong đó: Đồng Bằng sông Cửu Long (nghìn ha)	1.120,8	124,7
3. Gieo trồng cây vụ đông ở miền Bắc (nghìn ha)	440,7	100,7
4. Tổng sản lượng lương thực ** (nghìn tấn)	43.329,3	100,1
Trong đó: Lúa	38.895,5	100,4
Ngô	4431,8	96,9
5. Tổng đàn gia súc gia cầm (số liệu 1/10/09**)		
Đàn trâu (con)	2.886.602	99,62
Đàn bò (con)	6.103.322	96,30
Đàn lợn (con)	27.627.729	103,47
Đàn gia cầm (ngàn con)	280.180,5	112,83
6. Trồng rừng tập trung (nghìn ha)	208,6	89,0
Trong đó: Rừng phòng hộ, đặc dụng	47,8	117,1
Rừng sản xuất	160,8	79,6
7. Tổng sản lượng thủy sản (nghìn tấn)	4.846	105,8
Trong đó: Sản lượng khai thác (nghìn tấn)	2.277	106,8
Sản lượng nuôi trồng (nghìn tấn)	2.569	104,9
8. Giá trị xuất khẩu (triệu USD)	15.337	93,09
Trong đó: Nông sản	7.797	89,12
Thủy sản	4.207	93,27
Lâm sản	2.736	89,06

Ghi chú : * So với cùng kỳ; ** Theo Tổng cục TK

2. KẾT QUẢ SẢN XUẤT NGÀNH

2.1. Trồng trọt, bảo vệ thực vật

Trong tháng 12/2009, các địa phương miền Bắc tập trung chăm sóc cây trồng vụ đông, thu hoạch một số cây vụ đông trồng sớm, tiếp tục làm đất, gieo mạ và tích cực chuẩn bị các yếu tố cần thiết cho sản xuất vụ đông xuân 2009-2010. Các tỉnh miền Nam tiếp tục thu hoạch lúa mùa và thu đông, rau màu vụ mùa và tập trung xuống giống đại trà lúa đông xuân.

Tính đến ngày 15/12/2009, các địa phương miền Bắc đã cơ bản kết thúc gieo trồng *cây vụ đông*, tổng diện tích đạt 440,7 ngàn ha, bằng 100,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó diện tích gieo trồng ngô đạt 150,4 ngàn ha, chỉ bằng 88,2%; khoai lang đạt 49,1 ngàn ha, bằng 78% so với năm trước. Đáng chú ý là cây đậu tương đạt 80,2 ngàn ha, tăng 25,2%; rau đậu các loại đạt 120,5 ngàn ha tăng 1,2% so với cùng kỳ năm trước.

Các tỉnh miền Nam thu hoạch *lúa mùa* đạt 465,6 ngàn ha, chiếm 59,8% diện tích xuống giống, nhanh hơn cùng kỳ năm trước 2,6%, riêng các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long thu hoạch đạt 103,9 ngàn ha, chiếm 27,5% diện tích xuống giống, so với cùng kỳ năm trước chỉ bằng 93,7%. Các tỉnh vùng Đông Nam bộ thu hoạch đạt 84,3% diện tích gieo cấy, các tỉnh thuộc vùng Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung bộ đã cơ bản kết

thúc thu hoạch. Đồng thời với thu hoạch lúa mùa, các địa phương miền Nam trong tháng tập trung xuống giống đại trà lúa vụ đông xuân. Nhờ nước rút sớm đã tạo điều kiện đẩy nhanh tốc độ xuống giống, tính đến trung tuần tháng 12/2009 toàn miền Nam đạt 1.240,9 ngàn ha, nhanh hơn cùng kỳ năm trước 23%. Riêng vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 1.120,8 ngàn ha, nhanh hơn cùng kỳ khoảng 25%. Tuy nhiên, trước tình hình mùa mưa chậm dứt sớm, nắng hạn kéo dài, triều cường dâng cao, mặn xâm nhập... là những cảnh báo nguy cơ thiếu nước ngọt cho lúa đông xuân trong thời gian tới.

Kết quả sơ bộ của ngành trồng trọt trong năm 2009 thể hiện ở một số chỉ tiêu sau:

Tổng sản lượng lương thực có hạt ước đạt 43,33 triệu tấn, tăng 24 nghìn tấn (+0,1%) so với năm 2008; trong đó sản lượng lúa đạt 38,9 triệu tấn, tăng 166 nghìn tấn (+ 0,4%), sản lượng ngô đạt 4,4 triệu tấn, giảm 141 nghìn tấn (-3,1%).

Cây lúa: Diện tích gieo cấy lúa cả năm ước đạt 7440,1 nghìn ha, tăng 39,9 nghìn ha (+0,5%) so năm 2008. Năng suất lúa cả năm đạt 52,3 tạ/ha, tương đương mức năng suất năm 2008.

Lúa đông xuân: Sản lượng lúa đông xuân đạt 18,7 triệu tấn, tăng 369 nghìn tấn (+2,0%) so với vụ đông xuân năm 2008 do diện tích tăng 47,6 nghìn ha (+1,6%) và năng suất tăng 0,3tạ/ha (+0,5%).

Lúa hè thu: Sản lượng đạt 11,18 triệu tấn, giảm 211,6 nghìn tấn (-1,9%) so với vụ hè thu năm 2008. Nguyên nhân do giảm cả diện tích và năng suất. Diện tích gieo trồng đạt 2358,3 nghìn ha, giảm 10,4 nghìn ha (-0,4%), năng suất đạt 47,4 tạ/ha, giảm 0,7 tạ/ha (-1,4%). Năng suất lúa hè thu, thu đông giảm do thời tiết không thuận lợi cho phát triển cây lúa ở nhiều tỉnh thuộc vùng ĐBSCL; các tỉnh vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Nam Trung bộ bị ảnh hưởng nặng bởi cơn bão số 9, số 11 làm năng suất giảm 2,3 tạ/ha; tiếp tục thay đổi cơ cấu giống ở các địa phương vùng ĐBSCL theo hướng chuyển dịch một số diện tích trồng giống lúa cho năng suất cao nhưng chất lượng gạo thấp sang trồng các giống lúa chất lượng cao.

Lúa mùa: Sản lượng lúa mùa ước đạt 9,01 triệu tấn, tương đương vụ mùa năm 2008. Diện tích gieo trồng ước đạt 2021,1 nghìn ha, tăng 2,7 nghìn ha (+ 0,13%), năng suất ước đạt 44,6 tạ/ha, bằng mức năng suất năm 2008.

Cây ngô: Diện tích ngô đạt 1086,8 nghìn ha, giảm 53,4 nghìn ha (- 4,7%) do ngô vụ đông ở các tỉnh phía Bắc bị ảnh hưởng nặng bởi trận lụt lịch sử cuối năm 2008 (riêng sản lượng ngô vụ đông giảm 271 nghìn tấn). Năng suất ngô năm 2009 ước đạt 40,8 tạ/ha, tăng 0,7 tạ/ha (+1,7%).

Cây hàng năm khác: Sản xuất vụ đông bị ảnh hưởng nặng bởi thời tiết dẫn đến giảm diện tích. Sản lượng khoai lang đạt 1207,6 nghìn tấn, giảm 118,0 nghìn tấn (- 8,9%) do diện tích giảm 16,2 nghìn ha (-10%). Sản lượng đỗ tương đạt 213,6 nghìn tấn, giảm 54 nghìn tấn (- 20,2%) do diện tích giảm 45,9 nghìn ha (-23,9%). Sản lượng lạc đạt 525,1 nghìn tấn, giảm 5,1 nghìn tấn (- 1,0%) do diện tích giảm 2,4%.

Sản lượng sắn đạt 8,5 triệu tấn, giảm 753,0 nghìn tấn (- 8,1%) do diện tích giảm. Diện tích sắn đạt 508,8 nghìn ha, giảm 45,2 nghìn ha (- 8,2%); năng suất đạt 168,2 tạ/ha, tăng 0,2 tạ/ha. Diện tích sắn giảm do giá sắn cuối năm 2008 giảm mạnh một phần do nhà máy Vedan giảm công suất hoạt động và nông dân chuyển đổi sang trồng loại cây trồng khác có lợi hơn.

Sản lượng mía ước đạt 15,24 triệu tấn, giảm 899,1 nghìn tấn (- 5,6%) so với năm 2008 do giảm cả diện tích và năng suất. Diện tích mía đạt 260 nghìn ha, giảm 10,6 nghìn ha (- 3,9%) so cùng kỳ; năng suất đạt 586,2 tạ/ha, giảm 10,2 tạ/ha (- 1,7%). Diện tích mía

giảm do giá mía nguyên liệu năm 2008 thấp nhiều diện tích mía đã được chuyển sang trồng các loại cây khác. Ngoài ra, một số diện tích đất mía được chuyển sang làm khu công nghiệp.

Sản lượng rau đậu các loại vẫn tăng khá. Sản lượng rau các loại tăng 3,3% do diện tích tăng 1,7% và năng suất tăng 1,6%; diện tích đậu các loại giảm 3,2% nhưng sản lượng vẫn tăng 2,5% do năng suất tăng 5,9%.

Cây lâu năm: Những năm gần đây, giá bán các mặt hàng nông sản như chè, cà phê, cao su, hồ tiêu khá thuận lợi cho người sản xuất, do vậy các địa phương tiếp tục ổn định diện tích ở những vùng trọng điểm, đồng thời tiến hành trồng thay thế những diện tích già cỗi bằng những giống mới cho năng suất, chất lượng cao hơn và tiếp tục được mở rộng ở những vùng khác. Tính chung cả nước, diện tích chè búp hiện có ước đạt 128,1 nghìn ha, tăng 2,6 nghìn ha (+2,1%); cây cà phê ước đạt 537 nghìn ha, tăng 6,1 nghìn ha (1,1%); cây cao su ước đạt 674,2 nghìn ha, tăng 42,8 nghìn ha (+6,8%); cây hồ tiêu ước đạt 50,5 nghìn ha, tăng 0,6 nghìn ha (+1,3%); Diện tích cây điều ước đạt 398,1 nghìn ha, giảm 8,6 nghìn ha (-2,1%) do đang trong giai đoạn thay đổi, cải tạo giống năng suất thấp bằng giống mới năng suất cao hoặc giảm những diện tích không hiệu quả ở Nam Trung bộ.

Năm 2009, sản lượng nhiều cây lâu năm tăng do tăng cả diện tích cho sản phẩm và năng suất. Sản lượng chè búp ước đạt 798,8 nghìn tấn, tăng 7% do năng suất tăng 4,2%, diện tích cho sản phẩm tăng 2,7%; sản lượng cao su ước đạt 723,7 nghìn tấn, tăng 9,7% do diện tích cho sản phẩm tăng 5,6% và năng suất tăng 3,8%; sản lượng hồ tiêu ước đạt 105,6 nghìn tấn, tăng 7,2% do diện tích cho sản phẩm tăng 4,5% và năng suất tăng 2,6%. Riêng cây cà phê và cây điều do thời tiết không thuận với chu kỳ sinh trưởng đã ảnh hưởng đến năng suất (năng suất cà phê giảm 1,7%; điều giảm 10,3%) nên sản lượng cà phê ước 1045 nghìn tấn, bằng 99%; Sản lượng điều ước đạt 293,5 nghìn tấn, bằng 95,2% so với năm 2008.

Cây ăn quả: Diện tích một số cây ăn quả tăng nhẹ (cam quýt tăng 1,4%; bưởi tăng 3,7%; xoài tăng 2%) trong khi diện tích nhãn, vải, chôm chôm giảm do những năm trước nhiều địa phương phát triển diện tích nhưng hiện nay không có hiệu quả. Sản lượng cam, quýt ước tăng 2%, sản lượng bưởi tăng 8,5% so với năm trước, chủ yếu tăng ở các tỉnh phía Nam, tại các vùng trồng tập trung chuyên canh như Đồng Nai, Vĩnh Long, Trà Vinh, Bến Tre,... Một số cây ăn quả chủ lực của các tỉnh phía Bắc như nhãn, vải, chuối,... sản lượng giảm do thời tiết không thuận lợi. Sản lượng nhãn, vải, chuối chỉ bằng tương ứng 95,7%; 83%; 98,3% năm trước.

Tình hình sâu bệnh trên lúa: Trong tháng, nhìn chung mức độ sâu bệnh gây hại nhẹ trên lúa ở các vùng trong cả nước. Tuy nhiên, đáng chú ý là bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá, lùn sọc đen tiếp tục xuất hiện rải rác trên một số diện tích lúa chết trước đây đã bị bệnh nặng nhưng nông dân chưa tiến hành tiêu huỷ tại các địa bàn thuộc các tỉnh: Nghệ An, Thanh Hoá, Lào Cai, Lai Châu... gây nguy cơ lây lan cao.

Tại các tỉnh thuộc khu vực miền Trung và Tây Nguyên các đối tượng sâu bệnh chủ yếu phát sinh và tiếp tục gây hại trên lúa gieo trà muộn. Chủ yếu là bệnh khô vằn hại lúa giai đoạn làm đòng và trổ bông; bệnh đốm nâu hại lúa giai đoạn đẻ nhánh, làm đòng và bệnh đạo ôn hại lá.

Các tỉnh Nam bộ: **Rầy nâu** gây hại trên lúa thu đông và lúa mùa diện tích nhiễm vào thời điểm giữa tháng 12 khoảng 16.500 ha, giảm 12 ngàn ha so với đầu tháng, tập trung trên lúa giai đoạn làm đòng, trổ và chín. Diện tích nhiễm xuất hiện nhiều nhất ở các tỉnh Bạc Liêu và Long An, các tỉnh còn lại xuất hiện rải rác. Trên lúa đông xuân 2009-

2010, diện tích nhiễm có chiều hướng gia tăng, lên tới hơn 35 ngàn ha bị nhiễm vào giữa tháng, tăng gần 20 ngàn ha so với đầu tháng, tập trung nhiều ở các tỉnh Long An, Đồng Tháp, Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang, An Giang, Vĩnh Long,....

- **Bệnh Vàng lùn, lùn xoắn lá:** Trên lúa thu đông và lúa mùa do phần lớn diện tích lúa bước vào giai đoạn trổ chín nên không còn diện tích lúa nhiễm bệnh.

Trên lúa đông xuân bệnh đã xuất hiện ở tỉnh Trà Vinh, tỷ lệ 1-5% trên lúa Đông xuân xuống giống trước lịch ở huyện Tiểu Cần, lúa ở giai đoạn 30-32 ngày sau sạ.

- **Bệnh đạo ôn:** + *Bệnh đạo ôn lá:* Toàn vùng có 7.069 ha lúa bị nhiễm bệnh, giảm so với kỳ trước, tỷ lệ bệnh phổ biến từ 5 đến 10%.

+ *Bệnh đạo ôn cổ bông:* Toàn vùng có khoảng 4.600 ha nhiễm bệnh, tăng hơn 300 ha so với kỳ trước, với tỷ lệ nhiễm bệnh từ 5-10%.

- **Bệnh bạc lá:** Toàn vùng có 4.650 ha lúa bị nhiễm, bệnh đang có chiều hướng tăng tại các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Đồng Nai, Long An, Hậu Giang.

2.2. Chăn nuôi, thú y

2.2.1. Tình hình sản xuất chăn nuôi

Theo điều tra 1/10 hàng năm của Tổng cục Thống kê cho thấy đàn gia cầm và đàn lợn có mức tăng trưởng khá. So với năm 2008 tổng đàn gia cầm tăng thêm 12,83%, đàn lợn tăng 3,47% trong khi đàn trâu giảm không đáng kể (0,38%) và đàn bò giảm 3,7%.

Sản xuất chăn nuôi của cả nước năm qua chịu tác động của một số yếu tố khách quan và chủ quan. Với sự chỉ đạo kịp thời của các cơ quan chuyên môn trong phòng chống rét, chống đói nên số lượng gia súc gia cầm bị chết rét, chết đói giảm. Công tác kiểm dịch được tăng cường nên không xảy ra dịch bệnh trên diện rộng như năm 2008. Sản xuất thức ăn chăn nuôi tăng kết hợp với sự tăng giá của sản phẩm chăn nuôi vào các tháng đầu năm đã khuyến khích người dân mở rộng đầu tư nhất là mô hình trang trại sản xuất hàng hóa. Tuy nhiên, xu thế này không được duy trì cả năm. Xu thế giảm giá trong nửa cuối của năm 2009 đã phần nào làm giảm sức sản xuất của năm. Ngoài ra, những thông tin về an toàn vệ sinh thực phẩm đã tác động không nhỏ đến lợi ích của người chăn nuôi. Việc chưa chủ động điều tiết được giá thức ăn chăn nuôi; Việc nhập lậu gia súc gia cầm vẫn là những yếu tố tác động tiêu cực đến ngành sản xuất chăn nuôi không chỉ đến nhu cầu sản phẩm mà cả đến công tác kiểm soát dịch bệnh, v.v...

Chăn nuôi trâu, bò: Tại thời điểm 1/10/2009, đàn trâu đạt 2 886,6 nghìn con, giảm 0,38%, đàn bò đạt 6 103,3 nghìn con, giảm 3,7% so với năm 2008. Đàn trâu, bò giảm ở hầu hết các vùng do: (1) số lượng trâu bò cày kéo tiếp tục giảm nhiều do nhu cầu sử dụng sức kéo trâu bò ngày càng giảm; trâu cày kéo giảm 53,8 nghìn con (-4,74%), bò cày kéo giảm 189,2 nghìn con (-15,59%); (2) tăng số con xuất chuồng so với năm 2008; (3) bệnh Lở mồm long móng vẫn diễn ra ở một số địa phương; đồng thời mưa bão ở các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên đã làm thiệt hại đến tổng đàn trâu, bò.

Chăn nuôi lợn: Đàn lợn tại thời điểm 1/10/2009 đạt 27.627,7 nghìn con, tăng 3,47% so với 1/10/2008. Sản lượng thịt lợn xuất chuồng năm 2009 ước đạt 2.931,4 nghìn tấn, tăng 4,45% so với năm 2008. Năm 2009 dịch bệnh xuất hiện ở một số địa phương nhưng ở phạm vi nhỏ, không ảnh hưởng nhiều. Tuy nhiên, giá thức ăn chăn nuôi ở mức cao trong khi giá bán thịt lợn không ổn định, nhiều thời điểm giá xuống thấp khó tiêu thụ đã ảnh hưởng đến việc phát triển quy mô đàn và tăng nhanh hơn sản lượng xuất chuồng.

Chăn nuôi gia cầm: Đàn gia cầm phát triển nhanh với số lượng tổng đàn đạt 280,18 triệu con, tăng 12,83% so với thời điểm 1/10/2008. Sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng năm 2009 ước đạt 502,8 nghìn tấn, tăng 12,16%, sản lượng trứng gia cầm các loại ước đạt 5 952,1 triệu quả, tăng 8,98% so với năm 2008.

2.2.2. Tình hình dịch bệnh

a) *Dịch cúm gia cầm:* Từ đầu tháng 12 đến nay, dịch Cúm gia cầm đã xảy ra tại một số tỉnh đã làm 644 con gia cầm mắc bệnh (trong đó 589 con vịt, 55 con gà), đã tiêu hủy 4.634 con gia cầm (gồm 4.450 vịt và 184 gà).

Hiện nay, cả nước còn ba tỉnh có dịch Cúm gia cầm chưa qua 21 ngày là Cà Mau, Thái Nguyên và Cao Bằng.

b) *Dịch lở mồm long móng:* Trong tháng 12, dịch LMLM xuất hiện thêm ở 3 xã thuộc 2 tỉnh Nam Định và Sơn La làm 210 con gia súc mắc bệnh (66 trâu, 27 bò và 117 lợn), đã tiêu hủy toàn bộ 117 lợn mắc bệnh.

Hiện nay, cả nước còn 08 tỉnh có dịch LMLM chưa qua 21 ngày là: Quảng Nam, Yên Bái, Hà Giang, Hà Tĩnh, Phú Yên, Lạng Sơn, Sơn La và Nam Định.

2.3. Lâm nghiệp

2.3.1. Thực hiện công tác lâm sinh

Theo báo cáo sơ bộ của các địa phương, tính đến ngày 22/12/2009, diện tích trồng rừng tập trung trên cả nước là 208,6 nghìn ha, đạt 91,8 % kế hoạch, bằng 89 % so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, diện tích trồng rừng phòng hộ, đặc dụng đạt 47,8 nghìn ha, tăng 17,1 % so với cùng kỳ năm trước, đạt 79,6 % kế hoạch, rừng sản xuất trồng đạt 160,8 nghìn ha, bằng 83,1% so với cùng kỳ năm trước và đạt 96,1 % kế hoạch. Chăm sóc rừng trồng đạt 251,2 nghìn ha, tăng 67,8 % kế hoạch và bằng 86,5 % so với cùng kỳ năm trước. Trồng cây nhân dân được 180,4 triệu cây, đạt 90,2 % kế hoạch và bằng 98,2 % so với cùng kỳ năm trước. Khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng dặm đạt 767,8 nghìn ha, vượt 51,7 % kế hoạch và tăng 16,8 % so với cùng kỳ năm trước. Khoán quản lý bảo vệ rừng đạt 2.535,2 nghìn ha, vượt 66,4 % kế hoạch và bằng 118,6 % so với cùng kỳ năm trước. Thực hiện khai thác gỗ đạt 3.766,7 nghìn m³, đạt 86 % kế hoạch, tăng 7,2 % so với cùng kỳ năm trước.

Các tỉnh miền Bắc: Đến ngày 22/12/2009, các tỉnh miền Bắc đã trồng được 152,1 nghìn ha, chiếm 73 % diện tích trồng rừng cả nước, bằng 93% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, rừng phòng hộ đặc dụng trồng được là 29.461 ha, tăng 21% so với cùng kỳ năm trước, trong khi đó trồng rừng sản xuất đạt 122.682 ha, bằng 87% so với cùng kỳ năm trước. Các tỉnh có diện tích trồng rừng lớn là Yên Bái (16.674 ha), Quảng Ninh (16.074 ha), Hà Giang (15.313 ha), Tuyên Quang (14.826 ha), Thanh Hoá (12.500 ha). Nhìn chung, diện tích trồng rừng tập trung năm nay thấp hơn so với năm trước và so với kế hoạch đề ra là do địa bàn trồng rừng ngày càng chuyển vào vùng sâu, vùng xa và manh mún, giao thông không thuận lợi và hạn hán kéo dài.

Các tỉnh miền Nam: Tính đến ngày 22/12/2009 các tỉnh miền Nam trồng được 49.803 ha rừng, bằng 82% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó trồng rừng phòng hộ, đặc dụng đạt 11.717 ha, cao hơn cùng kỳ năm trước 6% (11.012 ha), rừng sản xuất trồng đạt 38.086 ha bằng 76% so với cùng kỳ năm trước (49.981 ha). Các tỉnh có diện tích trồng rừng lớn là: Đắk Lắk (6.556 ha), Bình Thuận (6.217 ha), Kon Tum (4.290 ha), Quảng Ngãi (4.150 ha)... Trong năm, một số địa phương đã thực hiện công tác giải quyết tình trạng bao,

lấn chiếm, sử dụng đất lâm nghiệp không đúng mục đích trên địa bàn tỉnh để tăng diện tích đất trồng rừng.

Năm 2009, nhìn chung thời tiết tương đối thuận lợi cho việc trồng rừng, tuy nhiên cả trồng rừng phòng hộ và trồng rừng sản xuất đều không đạt được kế hoạch đề ra do sau khi quy hoạch 3 loại rừng thì đất trồng rừng phòng hộ ngày càng xa, phân tán nhỏ lẻ, điều kiện đi lại, quản lý khó khăn hơn, cùng với kế hoạch đề ra năm 2009 (227,3 nghìn ha) cao hơn so với năm 2008 (201 nghìn ha). Bên cạnh đó do tình trạng khó khăn về nguồn vốn ngân sách cấp cho dự án 661 vì vậy các tỉnh đã bố trí giảm diện tích trồng rừng.

2.3.2. Tình hình vi phạm lâm luật

Theo báo cáo của các địa phương, tháng 12 xảy ra 2.627 vụ vi phạm các quy định của nhà nước về bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, trong đó 151 vụ phá rừng trái phép; 272 vụ khai thác rừng trái phép; 11 vụ vi phạm về PCCCR; 10 vụ vi phạm qui định về sử dụng đất lâm nghiệp; 88 vụ vi phạm về quản lý bảo vệ động vật hoang dã; 1.549 vụ vận chuyển, buôn bán trái phép gỗ và lâm sản; 81 vụ vi phạm về chế biến gỗ và lâm sản, 465 vụ vi phạm khác; lực lượng Kiểm lâm đã xử lý 2.218 vụ, trong đó xử phạt hành chính 2.195 vụ, số vụ xử lý hình sự là 23 vụ. Thu nộp ngân sách gần 15 tỷ đồng.

2.3.3. Tình hình phòng cháy, chữa cháy rừng

Công tác bảo vệ rừng và tuyên truyền phòng chống cháy rừng được các địa phương quan tâm thực hiện, triển khai rộng rãi đến các xã, thôn bản và nhân dân trong cả nước nên đã hạn chế tình trạng cháy rừng. Tuy nhiên, cháy rừng vẫn còn xảy ra, có nơi nghiêm trọng.

Hiện nay, do thời tiết khô hanh kéo dài nên rất nhiều khu vực trên phạm vi toàn quốc đang ở trong tình trạng báo động cấp V - cấp cực kỳ nguy hiểm: Tỉnh Điện Biên (Tuần Giáo, Điện Biên), tỉnh Sơn La (TX Sơn La, Thuận Châu, Mường La, Mai Sơn, Yên Châu, Sông Mã, Phù Yên, Bắc Yên), tỉnh Yên Bái (Văn Chấn, Trạm Tấu, TP Yên Bái, Trấn Yên, Lục Yên, Văn Yên, Yên Bình), tỉnh Hà Giang; tỉnh Tuyên Quang; tỉnh Phú Thọ (Thanh Sơn), tỉnh Cao Bằng; tỉnh Bắc Kạn; tỉnh Thái Nguyên; tỉnh Lạng Sơn; tỉnh Bắc Giang (Yên Thế, Lục Ngạn, Lục Nam) tỉnh Hoà Bình; tỉnh Thanh Hóa (Quan Hóa, Mường Lát, Quan Sơn, Bá Thước, Lang Chánh) và tỉnh Nghệ An (Tương Dương, Kỳ Sơn).

Tính từ đầu năm 2009 đến nay, trên toàn quốc xảy ra 314 vụ cháy rừng, thiệt hại 1.492,49 ha rừng các loại.

2.4. Nghề muối

Hiện các tỉnh Nam Bộ đã bắt đầu vào vụ, miền Bắc và một số nơi miền Trung vẫn còn sản xuất. Sản lượng muối tính đến 15/12/09 ước đạt 800.000 tấn bằng 95% so với cùng kỳ năm trước

Về giá muối: nhìn chung giá muối trên cả nước hiện đang giữ được ổn định, biến động không nhiều so với tháng 11/2009. Tuy nhiên, giá muối đang có xu hướng giảm nhẹ ở cả ba vùng, nhất là khu vực Nam Định, Nghệ An, Ninh Thuận, Bình Thuận, Khánh Hòa.

- + Giá các tỉnh miền Bắc: 850đ/kg- 1.400đ/kg
 - + Các tỉnh Đông Nam Bộ và Duyên hải miền Trung: 700đ/kg -1.500đ/kg (trong đó giá muối công nghiệp: 900đ/kg-1.400đ/kg)
 - + Các tỉnh đồng bằng Sông Cửu Long: 1.100đ/kg- 1.600đ/kg
- Lượng muối tồn hiện ước còn khoảng 100.000 tấn.

2.5. Thủy sản

2.5.1. Khai thác thủy sản

Trong tháng có một số đợt không khí lạnh và gió mùa Đông Bắc xảy ra, nhưng nhìn chung ảnh hưởng không lớn đến tình hình hoạt động sản xuất của ngành. Theo thống kê, trong 11 tháng đầu năm nhìn chung thời tiết và diễn biến nguồn lợi thủy sản trong các vụ cá Bắc, vụ cá Nam rất thuận lợi cho khai thác; ngư trường xuất hiện nhiều đàn cá nổi đại dương (ngừ, nục, sòng...) áp lộng với mật độ dày nên nhiều nghề khai thác hoạt động có hiệu quả (câu cá ngừ đại dương, lưới vây, lưới rê...), Nghề lưới rê công suất lớn đánh cá mú, cá lạc, cá nhám... đều đạt sản lượng cao, doanh thu đạt khá, sản lượng đã khai thác 12 tháng ước đạt 2.277 nghìn tấn, tăng 3,5% so với kế hoạch, tăng 6,8% so với cùng kỳ; trong đó sản lượng khai thác biển đạt 2.068 nghìn tấn, tăng 3,4% so với kế hoạch, tăng 6,8% so với cùng kỳ, sản lượng khai thác nội địa cả năm 2009 ước đạt 209 ngàn tấn. Một số tỉnh có sản lượng khai thác khá như: Nam Định ước đạt 36.863 tấn (tháng 12 ước 2.356 tấn), trong đó khai thác mặn 34.840 tấn, khai thác nội địa 2.023 tấn. Đà Nẵng đạt 35.700 tấn (tháng 12 ước đạt 1.500 tấn); Phú Yên ước đạt khoảng 38.000 tấn (trong đó: cá ngừ đại dương 4.383 tấn); Bạc Liêu sản lượng ước đạt 75.746 tấn (trong đó tôm 14.489 tấn, cá và thủy sản khác 61.257 tấn), trong đó tháng ước đạt 3.456 tấn (trong đó tôm 909 tấn, cá và thủy sản khác 2.547 tấn); Bến Tre ước đạt 86.100 tấn; Kiên Giang đạt (323.882 tấn).

2.5.2. Nuôi trồng thủy sản

Sản lượng nuôi trồng thủy sản cả năm 2009 ước đạt 2.569 ngàn tấn (11 tháng đạt 2.407 ngàn tấn, trong đó tháng 12/2009 ước đạt 162 ngàn tấn), tăng 7,0% so với kế hoạch, tăng 4,9% so với cùng kỳ năm 2008.

Theo thống kê, tính đến ngày 22/12/2009 diện tích nuôi tôm sú trên cả nước ước đạt 548 nghìn ha, giảm 66 nghìn ha so cùng kỳ năm 2008. Hiện nay, giá tôm sú ở ĐBSCL tăng cao, dao động ở mức 100.000 – 150.000 đồng/kg (cỡ tôm loại 40 – 20 con/kg).

Sản lượng cá tra cả năm 2009 thu hoạch ước đạt 1.006 nghìn tấn, trong đó tại Bến Tre sản lượng ước đạt 90.000 tấn; Cần Thơ (180.300 tấn); Tiền Giang (36.200 tấn); Vĩnh Long (97.000 tấn); Đồng Tháp (252.784 tấn)... Theo thống kê tại các địa phương nuôi cá tra có diện tích lớn, đa số người dân thả nuôi cá tra mới thường nuôi với mật độ thấp, nhằm giảm chi phí sản xuất, nhất là chi phí thức ăn. Giá thức ăn dao động từ 7.200-8.200 đ/kg; giá thành nuôi dao động khoảng 15.000-15.800 đ/kg; giá bán từ 14.000-16.000 đ/kg và có xu hướng tiếp tục giảm (từ tháng 1 đến tháng 4 giá 15.000-16.000 đồng/kg, tháng 5-8/2009 giá 14.500-15.500 đồng/kg, từ tháng 9-12/2009 giá 14.000-15.000 đồng/kg), đầu tư không hiệu quả, người nuôi đang gặp rất nhiều khó khăn.

3. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA KHỐI DOANH NGHIỆP

Theo số liệu báo cáo từ các đơn vị cho thấy giá trị sản xuất công nghiệp (tính theo giá cố định 1994) của một số doanh nghiệp trong tháng 12/2009 ước tính như sau :

Đơn vị tính : triệu đồng

Số TT	Tên doanh nghiệp	Ước TH tháng 12/2009
1	Công ty cổ phần in nông nghiệp	120
2	Tổng công ty Rau quả	238.700
3	Công ty đường Quảng Ngãi	137.254
4	Tổng công ty mía đường 2	31
5	Tổng công ty CĐ-XDNN & TL	42.462

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê chỉ số phát triển một số ngành công nghiệp chế biến liên quan đến nông nghiệp như thủy sản, sữa, thức ăn gia súc và thuốc lá tăng khá. Chế biến rau quả và sản xuất đường giảm hơn so với 2008 với mức chỉ số phát triển tương ứng là 7,7 và 14,3%.

Chỉ số phát triển một số ngành công nghiệp chế biến

Ngành	Tháng 12/09 so với tháng 11/09	Tháng 12/09 so với tháng 12/08	Chỉ số cả năm 2009 so với năm 2008
Chế biến bảo quản thủy sản	104.5	124.9	101.5
Chế biến và bảo quản rau quả	100.5	108.8	92.7
Sản xuất sản phẩm bơ, sữa	89.9	128.8	117.8
Xay xát, sản xuất bột thô	116.3	80.4	102.8
Sản xuất thức ăn gia súc	105.9	129.9	105.2
Sản xuất đường	299.1	121.2	85.7
Sản xuất thuốc lá, thuốc Lào	110.0	101.2	110.9
Sản xuất phân bón	97.5	125.4	102.1

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tình hình sản xuất mía đường

Đối với lĩnh vực chế biến trong ngành nổi bật trong tháng qua là tình hình chế biến đường. Kể từ khi bắt đầu mùa ép mía cho đến 15/12/09 cả nước đã có 36 nhà máy đường vào sản xuất với sản lượng ép 2,5 triệu tấn mía, sản xuất được 202.000 tấn đường.

Lượng đường các nhà máy bán ra từ 15/10/09 đến 15/11/09 là 61.000 tấn, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước 19.000 tấn. Lượng bán ra thấp hơn là do có lượng đường nhập khẩu và lượng đường các đơn vị thương mại mua dự trữ tháng trước bù vào. Lượng đường tồn tại kho các nhà máy đến ngày 15/12/09 là 84.500 tấn, thấp hơn cùng kỳ năm trước 10.000 tấn. Cân đối cung cầu từ nay đến tháng 5/2010 bắt đầu giai đoạn thừa cục bộ đường vì đang là vụ sản xuất.

Giá bán đường từ 15/11 đến 15/12/2009 liên tục giảm, hiện nay giá bán đường trắng loại I đã có thuế tại kho nhà máy từ 14.300 đến 14.500đ/kg nhưng khó bán. Các nhà máy đường đang rất khó khăn về vốn sản xuất do lượng đường bắt đầu tồn kho lớn, đồng thời ngân hàng lại không cho vay mà đang tăng cường thu hồi vốn về. Với tình trạng thiếu vốn như hiện nay, khả năng giá đường trong nước giai đoạn tới vẫn tiếp tục giảm cho dù giá đường thế giới vẫn đang giữ ở mức cao.

Giá mua mía 10 CCS tại ruộng như sau: Khu vực đồng bằng sông Cửu Long 950.000 đồng/tấn, Đông Nam Bộ từ 625.000- 675.000 đ/tấn, Gia Lai từ 650.000-680.000 đ/tấn, miền bắc 550.000 đến 650.000đ/tấn.

4. XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN, PHÂN BÓN

4.1. Xuất khẩu nông, lâm và thủy sản

Tổng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản tháng 12/2009 ước đạt khoảng 1,3 tỷ USD, đưa giá trị xuất khẩu nông lâm thủy sản cả năm 2009 ước đạt hơn 15,3 tỷ USD, giảm 6,91% so cùng kỳ năm trước, nhưng vẫn vượt dự kiến xuất khẩu hồi đầu năm (12 tỷ USD) và chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao (14 tỷ USD). Xuất khẩu các mặt hàng nông sản vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất, ước đạt 7,8 tỷ USD, so với cùng kỳ năm trước giảm 10,88%, thủy sản ước đạt 4,2 tỷ USD, giảm 6,73% so cùng kỳ, lâm sản ước đạt 2,74 tỷ USD, giảm 10,94% so cùng kỳ.

Kết quả cụ thể một số mặt hàng chủ yếu như sau:

Gạo: Số liệu sơ bộ cho thấy năm 2009 sẽ là "năm kỷ lục" về xuất khẩu gạo nhưng vì giá gạo biến động giảm nên hiệu quả không thể bằng năm 2008. Ước xuất khẩu tháng 12/2009 đạt 220 ngàn tấn, thu về 101 triệu USD. Lượng gạo xuất khẩu cả năm 2009 ước đạt 5,8 triệu tấn, kim ngạch gần 2,6 tỉ USD, so cùng kỳ năm trước tăng 22,67% về lượng, nhưng giảm 10,34% về giá trị. Giá gạo xuất khẩu đã tăng sau khi Philippin mở các đợt đấu thầu mua gạo với số lượng lớn.

Cà phê: Kim ngạch xuất khẩu cà phê cũng sụt giảm mạnh. Khối lượng xuất khẩu năm 2009 là 1,1 triệu tấn nhưng giá trị kim ngạch chỉ đạt 1,7 tỷ USD, trong khi đó, lượng xuất khẩu của năm 2008 chỉ 1,06 triệu tấn, nhưng kim ngạch đạt tới 2,1 tỷ USD.

Cao su: Ước xuất khẩu cao su tháng 12/2009 đạt 79 ngàn tấn, kim ngạch đạt 153 triệu USD, đưa lượng cao su xuất khẩu cả năm 2009 lên 720 ngàn tấn, kim ngạch đạt 1,2 tỷ USD, tăng 9,36% về lượng so với cùng kỳ năm trước, nhưng giá trị giảm 26,3% về kim ngạch. Theo Hiệp hội Cao su Việt Nam (VRA), từ nửa cuối tháng 11/2009 đến nay, giá cao su xuất khẩu (các loại) có mức tăng trung bình từ 200-220 USD/tấn (từ 2.200-2.440 USD/tấn). So với thời điểm tháng 2/2009, giá cao su đã tăng trên 1.000 USD/tấn. Nguyên nhân khiến giá cao su tăng liên tục sau một thời gian dài đứng ở mức thấp một phần do nền kinh tế thế giới đã qua cơn suy thoái, sản xuất công nghiệp các nước hồi phục. Bên cạnh đó, yếu tố quan trọng tác động đến giá cao su là nguồn cung ra thị trường giảm. Hồi đầu tháng 12/2009, một số doanh nghiệp trực thuộc VRG đã ký được hợp đồng xuất khẩu với mức giá cao kỷ lục (tính từ đầu năm 2009) là 2.680 USD /tấn. Tuy nhiên, lượng hàng xuất khẩu với đơn giá này không nhiều.

Chè: Ước tháng 12/2009, xuất khẩu đạt 11 ngàn tấn, với giá trị 17 triệu USD. Lượng chè xuất khẩu cả năm 2009 ước đạt 133 ngàn tấn, với kim ngạch 178 triệu USD, so với cùng kỳ năm trước lượng tăng 27,31%, kim ngạch tăng 21,27%. Mặc dù kim ngạch xuất khẩu mặt hàng chè năm 2009 tăng hơn 30 triệu USD so với năm 2008, nhưng sự tăng này chủ yếu do lượng xuất khẩu tăng, không phải do cải thiện về giá (giá chè xuất khẩu của Việt Nam chỉ bằng 1/2 của thế giới, trung bình 1,1 USD/kg trong khi của thế giới vào khoảng 2,2 USD/kg).

Hạt điều: Ước tháng 12/2009, xuất khẩu đạt 14 ngàn tấn với kim ngạch 78 triệu USD. Lượng điều xuất khẩu cả năm 2009 ước đạt 175 ngàn tấn, kim ngạch 840 triệu USD, tăng 5,96% về lượng so với cùng kỳ năm trước và giá trị bằng 92,19%.

Tiêu: Ước tháng 12/2009 xuất khẩu 8 ngàn tấn, kim ngạch đạt 24 triệu USD. Ước lượng tiêu xuất khẩu 12 tháng năm 2009 đạt 135 ngàn tấn, kim ngạch 347 triệu USD, so cùng kỳ năm trước tăng 49,05%, kim ngạch tăng 11,46% so với cùng kỳ năm 2008.

Gỗ và sản phẩm gỗ: Ước kim ngạch xuất khẩu tháng 12/2009 đạt 265 triệu USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu của cả năm 2009 đạt 2,5 tỷ USD, giảm so với cùng kỳ năm trước 10,39%. Nền kinh tế thế giới suy thoái khiến sức cầu của các thị trường nhập khẩu giảm: sức mua của thị trường EU giảm khoảng 30%, Mỹ giảm 10% so với năm 2008. Một yếu tố khác khiến kim ngạch xuất khẩu gỗ giảm là giá trị các hợp đồng xuất khẩu đều giảm 10% theo yêu cầu của các nhà nhập khẩu.

Thủy sản: Ước giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản tháng 12 đạt 330 triệu USD, nâng tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản 12 tháng lên 4,21 tỷ USD, đạt 93,27% kế hoạch năm, giảm 6,73 % so với cùng kỳ năm 2008. Nét mới trong xuất khẩu thủy sản năm 2009 là Việt Nam đã tiến hành đàm phán hiệp định với Nhật Bản về xuất nhập khẩu thủy sản. Nhiều khả năng tới đây, phía Nhật Bản sẽ giảm mức thuế nhập khẩu bằng 0% đối với các sản phẩm tôm Việt Nam.

4.2. Nhập khẩu vật tư, phân bón

Kết quả cụ thể một số mặt hàng chủ yếu như sau:

Phân bón: Ước lượng phân bón các loại nhập khẩu tháng 12/2009 đạt 465 ngàn tấn, kim ngạch 153 triệu USD, đưa lượng phân bón các loại nhập khẩu cả năm 2009 ước đạt trên 4,42 triệu tấn với kim ngạch nhập khẩu trên 1,4 tỷ USD, so cùng kỳ năm trước tăng 45,64% về lượng nhưng giảm 5,81% về kim ngạch.

Thuốc trừ sâu và nguyên liệu: Ước nhập khẩu tháng 12/2009 đạt 57 triệu, đưa trị giá kim ngạch nhập khẩu cả năm 2009 đạt 485 triệu USD, tăng 2,31% so cùng kỳ năm trước.

Gỗ và sản phẩm gỗ: Ước nhập khẩu tháng 12/2009 đạt 91 triệu USD với giá trị cả năm ước đạt 894 triệu USD giảm 18,58% so cùng kỳ năm trước.

Lúa mì: Ước nhập khẩu tháng 12/2009 đạt 30 ngàn tấn, đưa kim ngạch nhập khẩu 12 tháng năm 2009 ước đạt 1,26 triệu tấn với kim ngạch nhập khẩu là 317 triệu USD, tăng 79,81% so cùng kỳ năm trước về lượng và tăng 8,3% về giá trị.

Thức ăn gia súc và nguyên liệu: Ước nhập khẩu tháng 12/2009 đạt 132 triệu USD, đưa kim ngạch nhập khẩu cả năm 2009 ước đạt 1,75 tỷ USD, giảm 0,16% so cùng kỳ năm trước. Thức ăn gia súc và nguyên liệu là mặt hàng có giá trị kim ngạch nhập khẩu lớn nhất trong các mặt hàng liên quan đến nông lâm thủy sản.

5. THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

5.1. Vốn Ngân sách tập trung do Bộ quản lý.

5.1.1. Tình hình thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung .

a. Tình hình thực hiện khối lượng xây dựng cơ bản và giải ngân vốn ngân sách tập trung do Bộ Nông nghiệp & PTNT quản lý thực hiện tháng 12 và 12 tháng năm 2009 (**Mục A của phụ biểu : vốn ngân sách giao đầu năm**) ước đạt 3.713 tỷ đồng bằng 125,7% kế hoạch năm, trong đó :

- *Vốn thực hiện các dự án* đạt 3.385 tỷ đồng bằng 129,6% kế hoạch năm;
- + Khối Thủy lợi : Ước đạt 2.257 tỷ đồng, bằng 152% kế hoạch;
- + Khối Nông nghiệp : Ước đạt 474,5 tỷ đồng, bằng 96% kế hoạch
- + Khối Lâm nghiệp : Ước đạt 267,8 tỷ đồng, bằng 116% kế hoạch;
- + Khối Thủy sản : Ước đạt 26,5 tỷ đồng, bằng 110% kế hoạch;
- + Khối Khoa học - Công nghệ : Ước đạt 208,5 tỷ đồng, bằng 90,6% KH;

- + Khối Giáo dục - Đào tạo : Ước đạt 89 tỷ đồng, bằng 99%
- + Các ngành khác : Ước đạt 61,5 tỷ đồng, bằng 101% kế hoạch;
- *Vốn thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia* : đạt 32,5 tỷ đồng bằng 81% kế hoạch;
- *Vốn đầu tư theo các mục tiêu nhiệm vụ cụ thể* : đạt 180 tỷ đồng bằng 86,5% kế hoạch;
- *Vốn chuẩn bị đầu tư* : đạt 50,5 tỷ đồng, bằng 168% kế hoạch;
- *Bổ sung vốn dự trữ Quốc gia* : đạt 65 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch;

b. Tình hình thực hiện khối lượng và giải ngân nguồn vốn ngân sách ứng trước cho các dự án cấp bách (**Mục B của phụ biểu : Vốn ứng trước cho các dự án cấp bách**) thực hiện tháng 12 và 12 tháng năm 2009 ước đạt 1.559 tỷ đồng, bằng 119% kế hoạch, trong đó vốn ứng trước lần 1 đạt 1.178 tỷ đồng, bằng 118% kế hoạch, vốn ứng trước lần 2 đạt 381 tỷ đồng, bằng 124% kế hoạch.

Như vậy : Đánh giá khả năng thực hiện kế hoạch vốn ĐTXDCB của cả năm 2009 (bao gồm cả vốn giao đầu năm và vốn ứng trước) ước đạt 5.272 tỷ đồng, bằng 133% kế hoạch; trong đó: vốn giao đầu năm đạt 3.713 tỷ đồng, vốn ứng trước đạt 1.559 tỷ đồng;

5.1.2. Kết quả thực hiện:

Tổng hợp báo cáo thống kê từ các chủ đầu tư về tiến độ triển khai thực hiện kế hoạch vốn ngân sách Nhà nước đặc biệt là các dự án nhóm A, các dự án ODA trong 12 tháng đạt tỷ lệ là khá cao;

Kết quả thực hiện cụ thể một số khối như sau :

a. Khối thủy lợi: Khối lượng thực hiện 12 tháng ước đạt 2.257 tỷ đồng, bằng 152% kế hoạch;

Cụ thể một số dự án :

+ Dự án Thủy lợi lưu vực sông Hồng - ADB3 : Khối lượng thực hiện và giải ngân 12 tháng ước đạt 396 tỷ đồng, bằng 168% kế hoạch, trong đó vốn trong nước đạt 57,5 tỷ đồng, vốn ngoài nước đạt 338,5 tỷ đồng; Tính đến hết tháng 11 và nửa đầu tháng 12/2009 các Tiểu dự án (TDA) thành phần đạt khối lượng thực hiện và giải ngân cao : Hệ thống sông Hòn Ngọc, Kè Ninh Giàng - Triều Nội, Hồ Yên Đồng, Công Cầu Hội, Kè ngã ba Việt Trì, Hệ thống Nam sông Mối, Dự án Phòng lũ sông Đuống, Trạm bơm Bình Hàn - Cầu Sộp; Bên cạnh đó vẫn còn những TDA tiến độ triển khai chậm, chưa đáp ứng được mục tiêu yêu cầu : Cống Tắc Giang - Phủ Lý, Hệ thống tiêu Hải Hậu, Cống Tân Đệ, Trạm bơm tiêu Mai Xá, Hệ thống thủy nông Gia Thuận...

+ Dự án Hỗ trợ thủy lợi Việt Nam - WB3: Khối lượng thực hiện và giải ngân 12 tháng ước đạt 542,5 tỷ đồng, bằng 334% kế hoạch, trong đó vốn trong nước đạt 77 tỷ đồng, vốn ngoài nước đạt 465,5 tỷ đồng; Các TDA có tiến độ thực hiện cao đảm bảo cam kết với các nhà tài trợ : TDA Cầu Sơn - Cẩm Sơn, TDA Đá Bàn, TDA Phú Ninh, TDA Kè Gõ, TDA Dầu Tiếng; Bộ yêu cầu các chủ đầu tư thuộc Bộ và các chủ đầu tư địa phương được uỷ quyền khẩn trương thúc đẩy tiến độ các TDA bị chậm: TDA Quảng Huế, TDA Yên Lập, TDA Bến Châu, TDA Kim Sơn, TDA Hà Thượng, TDA Đồng Nghệ;

+ Dự án Quản lý rủi ro, thiên tai - WB 4 : Khối lượng thực hiện và giải ngân 12 tháng ước đạt 408 tỷ đồng, bằng 526% kế hoạch, trong đó vốn trong nước đạt 20 tỷ đồng, vốn ngoài nước đạt 388 tỷ đồng; Đây là dự án đang ở giai đoạn cuối của Hiệp định tín dụng nên hầu hết các TDA thành phần đều hoàn thành vượt mức kế hoạch; Đối với các công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành, Bộ yêu cầu các chủ đầu tư khẩn trương tiến hành nghiệm thu, bàn giao cho đơn vị quản lý khai thác sử dụng;

+ Dự án Thuỷ lợi miền Trung ADB4 : Khối lượng thực hiện và giải ngân 12 tháng ước đạt 109 tỷ đồng, bằng 109% kế hoạch; Trong quý 4/2009 được sự chỉ đạo quyết liệt của các cơ quan chức năng của Bộ, các ban A đã khẩn trương đẩy nhanh tiến độ thi công, đảm bảo hoàn thành kế hoạch vốn được giao đầu năm;

+ Dự án Phước Hoà khối lượng thực hiện và giải ngân ước đạt 75%, Dự án Chống lũ hạ du sông Sài Gòn ước đạt 53%, đây là các dự án nhóm B có tiến độ thực hiện thấp, chưa đạt kế hoạch vốn;

b. Khối Nông nghiệp : Khối lượng thực hiện 12 tháng ước đạt 474,5 tỷ đồng, bằng 96% so với kế hoạch; Các dự án ODA vay vốn WB, ADB tiến độ thực hiện và giải ngân đạt cao so với kế hoạch của Bộ giao, đáp ứng được mục tiêu yêu cầu đầu tư : Dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai đạt 397,6 tỷ đồng, bằng 113% kế hoạch, trong đó vốn trong nước đạt 1 tỷ đồng, vốn ngoài nước đạt 396 tỷ đồng;

Tuy nhiên, các Dự án Khoa học và công nghệ nông nghiệp, Các tiểu dự án thuộc chương trình Phát triển ngành nông nghiệp, Dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung, các dự án sử dụng nguồn vốn trong nước của các Trung tâm, Viện, Trường đều triển khai chậm;

c. Khối Lâm nghiệp : Khối lượng thực hiện 12 tháng ước đạt 267,8 tỷ đồng, bằng 116% kế hoạch; Dự án Trồng rừng phòng hộ các tỉnh miền Trung đạt 76%, Dự án Phát triển Lâm nghiệp đạt 146%, Dự án Phát triển lâm nghiệp và cải thiện đồng bào Tây Nguyên đạt 134%; Các dự án đạt thấp : Dự án Phát triển Lâm nghiệp ở Hoà Bình, Sơn La đạt 10%, Dự án Bảo vệ và Phát triển những vùng đất ngập nước ven biển Việt Nam đạt 30%;

d. Khối Thuỷ sản : Khối lượng 12 tháng ước đạt 26,5 tỷ đồng, bằng 110% kế hoạch;

e. Khối Khoa học công nghệ, Giáo dục Đào tạo : Khối lượng thực hiện và giải ngân 12 tháng của khối Khoa học - Công nghệ, Giáo dục đào tạo đạt 208,5 tỷ đồng và 89 tỷ đồng;

5.1.3. Một số công tác quản lý xây dựng cơ bản trọng tâm cần thực hiện trong thời gian tới.

- Chủ động phối hợp với ngành Điện lực thống nhất lịch xả lũ các hồ chứa bổ sung mức nước ở hạ du sông Hồng, đảm bảo nước đổ ải và nước tưới phục vụ sản xuất vụ Đông xuân năm 2010 ở các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ trong khung thời vụ tốt nhất;

- Tiếp tục đôn đốc, thúc đẩy các ban quản lý dự án đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình dự án theo đúng kế hoạch, khẩn trương hoàn thành các thủ tục xây dựng cơ bản, tiến độ nghiệm thu, lên phiếu giá của phần khối lượng đã thực hiện trong năm; Phối hợp chặt chẽ với cơ quan Tài chính đẩy nhanh tiến độ vốn đủ điều kiện giải ngân thuộc kế hoạch ĐTXDCB năm 2009;

- Đối với các công trình, hạng mục công trình, các dự án đã hoàn thành, Bộ yêu cầu các chủ đầu tư đôn đốc các đơn vị tư vấn thiết kế và nhà thầu nhanh chóng tiến hành lập các thủ tục theo quy chế quản lý vốn đầu tư, tiến hành tổng nghiệm thu bàn giao cho đơn vị quản lý khai thác sử dụng, hoàn thiện hồ sơ hoàn công theo trình tự thủ tục xây dựng cơ bản hiện hành;

- Các Cục, Vụ chuyên ngành phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch - Đầu tư rà soát lại vốn đối ứng, vốn giải phóng mặt bằng cho các địa phương; Theo dõi kết quả phân bổ vốn đối ứng đền bù giải phóng mặt bằng cho các dự án đặc biệt là các dự án nhóm A, dự án sử dụng nguồn vốn ODA đảm bảo tiến độ đã cam kết với các nhà tài trợ;

- Kiểm tra tiến độ thực hiện các dự án khu neo đậu tránh, trú bão cho tàu thuyền đánh cá tại các Tỉnh thuộc dự án Khôi Thủy sản; Các công trình dự án thuộc Khôi Nông nghiệp, Viện, Trường, tổng hợp các khó khăn vướng mắc về vốn, về trình tự thủ tục, đề xuất và báo cáo Bộ kịp thời giải quyết;

- Chỉ đạo các ban quản lý dự án và đơn vị tư vấn khẩn trương hoàn thành thủ tục lập hồ sơ và triển khai các dự án, điều chỉnh dự án khả thi, điều chỉnh thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán của các dự án thuộc khu vực đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long, các dự án thuộc khu vực Trung du - Miền Núi sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ đủ điều kiện thi công và thanh toán theo nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội để chủ động bố trí nguồn vốn;

- Hướng dẫn cụ thể cho các chủ đầu tư thuộc Bộ và các chủ đầu tư thuộc địa phương chủ động thực hiện các Quyết định ủy quyền của Bộ cho các chủ đầu tư trong việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng;

- Thúc đẩy các dự án thuộc khối Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy sản đẩy nhanh tiến độ thực hiện các hợp đồng đã được Bộ phê duyệt, đặc biệt là chương trình Hỗ trợ ngành Nông nghiệp sử dụng vốn vay ADB có tiến độ thực hiện chậm;

- Trên cơ sở khung kế hoạch năm 2010 của ngành đã được xây dựng trình Chính phủ, chủ trì, phối hợp với các đơn vị khẩn trương phân khai sớm kế hoạch 2010, chủ động phân bổ phần vốn đối ứng thuộc nguồn ngân sách tập trung cho các dự án ODA;

- Tập trung rà soát, điều hoà, điều chỉnh vốn của các dự án nhằm thực hiện hết kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản của tất cả các công trình, dự án thuộc khung kế hoạch đầu tư năm 2009; Qua rà soát đã điều chỉnh số vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc kế hoạch năm 2009 của các dự án không có khả năng thực hiện hết kế hoạch cho các dự án có điều kiện thúc đẩy tiến độ, cụ thể như sau :

+ Vốn ngân sách Nhà nước năm 2009: Điều chuyển tại văn bản số 3546/BNN-KH, kế hoạch vốn đã điều chuyển là 24,96 tỷ đồng;

+ Vốn trái phiếu Chính phủ: Điều chuyển tại văn bản số 3547/BNN-KH, kế hoạch vốn đã điều chuyển là 107,7 tỷ đồng;

+ Vốn ứng trước năm 2010, 2011: Điều chuyển tại văn bản số 3523/BNN-KH, kế hoạch vốn đã điều chuyển là 10,5 tỷ đồng

- Đề nghị các Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch-Đầu tư xem xét, bổ sung vốn đầu tư thực hiện và vốn đối ứng cho các dự án ODA, các dự án đã có khối lượng thực hiện vượt kế hoạch vốn;

5.2. Các công trình thuộc nguồn vốn trái phiếu Chính phủ

5.2.1. Phân bổ và thông báo kế hoạch vốn năm 2009

Căn cứ vào kế hoạch phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ, về cơ bản Bộ Nông nghiệp đã thông báo vốn cho các chủ đầu tư.

5.2.2. Kết quả thực hiện

Khối lượng thực hiện 12 tháng ước đạt 3.516,5 tỷ đồng, bằng 91% kế hoạch, giải ngân 2.700 tỷ đồng, đạt 65% kế hoạch, trong đó:

- Các công trình theo quyết định 171/2006/QĐ- TTg: Khối lượng ước đạt 3.015 tỷ đồng, bằng 93% kế hoạch, gồm :

+ Các công trình thủy lợi lớn, cấp bách : Khối lượng ước đạt 2.120 tỷ đồng;

+ Các công trình thủy lợi miền Núi : Khối lượng ước đạt 510 tỷ đồng;

+ Các công trình thủy lợi đồng bằng sông Cửu Long : Khối lượng ước đạt 380 tỷ đồng;

- Các dự án cấp bách bổ sung : Khối lượng thực hiện ước đạt 221,5 tỷ đồng, bằng 111% kế hoạch;
- Các dự án đồng bằng sông Hồng : Khối lượng ước đạt 280 tỷ đồng, bằng 70% kế hoạch

5.3. Một số nguyên nhân làm chậm tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư XDCB trong năm 2009

Theo đánh giá tổng hợp của các cơ quan quản lý chức năng của Bộ, trong năm 2009 được sự chỉ đạo quyết liệt của Lãnh đạo Bộ, các cơ quan chức năng thuộc Bộ tiến độ thực hiện và giải ngân các nguồn vốn do Bộ quản lý năm 2009 của một số công trình dự án ODA, các dự án nhóm A đạt tiến độ và có khối lượng thực hiện giải ngân cao; Tuy nhiên, vẫn còn một số công trình, dự án chưa đạt yêu cầu về tiến độ và mục tiêu, khối lượng thực hiện và lượng vốn giải ngân đạt thấp do ảnh hưởng của các nguyên nhân chủ yếu sau :

- Công tác lập kế hoạch và chuẩn bị dự án chưa tốt, nhiều chủ đầu tư xây dựng kế hoạch chưa sát với khả năng thực hiện, chưa lường hết những vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.
- Công tác đền bù giải phóng mặt bằng ở hầu hết các công trình, dự án đều chậm do nhiều địa phương chưa thực sự chỉ đạo quyết liệt, giá cả đền bù không thống nhất, các phương án đền bù chưa đảm bảo công bằng xã hội gây bức xúc và khiếu kiện kéo dài ảnh hưởng đến tiến độ công trình.
- Thời tiết không thuận lợi tại một số vùng làm chậm tiến độ thi công công trình;
- Giá một số nguyên vật liệu tăng nhanh làm tăng chi phí xây dựng, việc thông báo giá và kiểm soát giá vật liệu thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, nhưng do cập nhật thông báo giá của địa phương không kịp thời, không đầy đủ. Hơn nữa, việc thông báo và hướng dẫn thực hiện các Thông tư 05, 09 của Bộ Xây dựng bất cập, thiếu nhất quán nên nhiều nhà thầu trì hoãn hoặc giãn tiến độ thi công để chờ điều chỉnh giá hợp đồng thi công.
- Năng lực về tài chính và kỹ thuật của một số nhà thầu tư vấn, nhà thầu thi công còn hạn chế chưa đáp ứng được tiến độ yêu cầu. Một số nhà thầu chậm thực hiện thủ tục nghiệm thu thanh toán khối lượng hoàn thành.
- Năng lực quản lý dự án của một số chủ đầu tư còn yếu, do vậy khi chế độ quản lý đầu tư XDCB của Nhà nước có sự thay đổi thì lúng túng trong việc triển khai thực hiện và giải ngân nguồn vốn.

6. HIỆN TRẠNG BÁO CÁO THỐNG KÊ HÀNG THÁNG

Tháng 12/2009, có 44/63 Sở NN&PTNT (23 tỉnh miền Bắc và 21 tỉnh miền Nam) gửi báo cáo tiến độ về Trung tâm Tin học và Thống kê đúng hạn đáp ứng phần nào công việc tổng hợp chung, phục vụ chỉ đạo của Bộ và của ngành. Tuy nhiên, một số đơn vị chưa đảm bảo thời gian gửi, còn chậm. Vẫn còn 30 % số tỉnh không gửi hoặc chưa gửi báo cáo tháng đúng hạn và số báo cáo chưa đúng qui định vẫn còn nhiều.

Trung tâm Tin học và Thống kê đã có nhiều nỗ lực để thu thập thông tin phục vụ công tác tổng hợp. Tuy nhiên, số lượng báo cáo về diêm nghiệp, thủy sản và khối doanh nghiệp còn quá ít (kể cả về số lượng cũng như chất lượng báo cáo). Do vậy, việc tổng hợp tình hình chung của toàn ngành, nhất là về số liệu phản ánh tình hình sản xuất gặp rất nhiều khó khăn.

Để đáp ứng yêu cầu tổng hợp số liệu, cung cấp thông tin phân tích dự báo tình hình sản xuất phục vụ công tác điều hành, quản lý của Bộ và của ngành, bên cạnh các biện pháp mạnh chỉ đạo các đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ và các địa phương cần chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo theo quy định, việc hình thành hệ thống thống kê thống nhất trong toàn ngành là vấn đề cấp thiết cần được Bộ quan tâm chỉ đạo.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận :

- Lãnh đạo Bộ
- Vụ Kế hoạch
- Phát hành trên website: *mard.gov.vn*
- Lãnh đạo Trung tâm
- Lưu VT, TK₍₂₎, Dự báo

Nguyễn Viết Chiến